

cāi dēng mí  
猜燈謎

Dà jiā lái cāi yì cāi  
大家來猜一猜~

- 1) Bái tiān liàngliàng, dà jiā bù gǎn kàn (cāi yí ge tiān tǐ)  
白天亮亮，大家不敢看 (猜一個天體)
- 2) Xià yǔ de shí hòu, wǒ huì chū lái (cāi yí ge dōng xī)  
下雨的時候，我會出來 (猜一個東西)
- 3) Xiànmiàn bù yí dìng rèn zhì, rèn zhì bù yí dìng xiànmiàn (cāi yí guān xì)  
見面不一定認識，認識不一定見面 (猜一關係)
- 4) Wǒ huì jiào 「sī sī」 (cāi yí ge dòng wù)  
我會叫「嘶嘶」 (猜一個動物)
- 5) shén me shuǐ guǒ zuì máng ? (cāi yí ge shuǐ guǒ)  
什麼水果最忙？ (猜一個水果)

台 灣 華 語 教 室  
力 工 儿

